

**CÔNG TY TNHH SX & TM PLC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SX & TM PLC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109505150

**3. Ngày thành lập:** 21/01/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà số 5, đường ĐX8, Khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936238369

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4659(Chính) |
| 2.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4511        |
| 3.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4512        |
| 4.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4513        |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý ký gửi mua bán ô tô (trừ đấu giá hàng hóa )                                                                                                                                                                                                                                                | 4610        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                            | 8299        |
| 7.  | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2013        |
| 8.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic; - Sản xuất sản phẩm khác từ plastic                                                                                                                                                                                                                                         | 2220        |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hạt nhựa nguyên sinh và tái sinh: HDPE, LLD, PE, LDPE, PP; Bán buôn chậu nhựa PP, HDPE; Bán buôn bao bì - băng keo - màng PE, HDPE, LLD, LDPE, PP; bán buôn các sản phẩm nhựa, nguyên liệu từ nhựa<br>bán buôn cao su, bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại | 4669        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 10. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất, gia công hạt nhựa nguyên sinh và tái sinh: HDPE, LLD, PE, LDPE, PP; Sản xuất chậu nhựa PP, HDPE; Sản xuất bao bì - băng keo - màng PE, HDPE, LLD, LDPE, PP (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b) | 3290                                                                |
| 11. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)                                                                                                                                                 | 4661                                                                |
| 12. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                             | 4730                                                                |
| 13. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                | 7710                                                                |
| 14. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                        | 7730                                                                |
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                   | 4931                                                                |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                      | 4932                                                                |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                        | 4933                                                                |
| 18. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                             | 5510                                                                |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                      | 5610                                                                |
| 20. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                              | 5621                                                                |
| 21. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                  | 5629                                                                |
| 22. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                               | 5630                                                                |
| 23. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                        | 7911                                                                |
| 24. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                 | 7912                                                                |
| 25. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                   | 7990                                                                |
| 26. | Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư, kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.                              | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 21/01/2021 đến ngày 20/02/2021

\* Họ và tên: NGUYỄN TÙNG LÂM

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *10/04/1972*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *011797009*

Ngày cấp: *26/01/2010*

Nơi cấp: *Công an Thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng Lương Thực Cổ Bi, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng Lương Thực Cổ Bi, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*